TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Ông Nguyễn Hạ Tuấn

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn*****:** Anh Vũ Văn M, sinh ngày 04/9/2000;

Số CCCD: 036200006310; do Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021.

Nơi ĐKHKTT: xóm B, xã ND, tỉnh Ninh Bình.

****/ Bị đơn*****:** Chị Lương Thị Thuỳ D, sinh ngày 26/5/2004;

Số CCCD: 001304028761; do Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/5/2021.

Nơi ĐKHKTT: xóm 6, thôn DT, xã HS, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Vũ Văn M là nguyên đơn trình bày: anh và chị Lương Thị Thuỳ D tự

nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (nay là: xã ND, tỉnh Ninh Bình) năm 2024. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai vợ chồng ở hai khu vực khác nhau nên phong tục tập quán lối sống cũng khác nhau. Nhà anh làm nghề bán phở gia truyền, chị D làm phụ việc trong cửa hàng nha khoa, chị D chê công việc của gia đình anh vất vả nên không ở nhà bán hàng cùng anh mà đòi đi làm ở cửa hàng nha khoa, chị D thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm gì đến chồng cũng không quan tâm đến bất cứ việc gì nhà chồng, chị D cứ như người ở trọ. Vào tháng 01/2025 chị D tự ý bỏ đi khỏi nhà anh không nói năng gì, chặn số điện thoại không liên lạc gì với anh. Chị D vẫn có cùng hộ khẩu và cùng nhà với bố mẹ đẻ là Lương Văn Sỹ, số điện thoại 0973999259 và mẹ đẻ là bà Lan, số điện thoại 0972557111. Nay anh nhận thấy chị D bỏ đi không liên lạc gì với anh, không quan tâm anh, anh cũng không còn tình cảm gì với chị D nữa, anh không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên anh làm đơn này xin được ly hôn với chị D để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung, Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Chị Lương Thị Thuỳ D: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, bố đẻ chị Lương Thị Thuỳ D là ông Lương Văn Sỹ trình bày: về mâu thuẫn vợ chồng chị D anh M cụ thể như thế nào ông không nắm rõ, tuy nhiên từ đầu năm 2025 âm lịch anh M chưa về nhà ông chơi, thăm bố mẹ vợ. Đây là việc riêng của các cháu, ông là bố không ai mong muốn việc này xảy ra nhưng cũng không thể can thiệp sâu được. Nay anh M có đơn xin ly hôn chị D, quan điểm ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị D và anh M chưa có con chung.

Chị D lao động tự do, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng chị D làm ở đâu cụ thể thì ông không biết. Chị D đăng ký thường trú và sống cùng nhà với ông. Ông nhận trách nhiệm nhận thay và giao lại ngay trong ngày các văn bản tố tụng cùa Toà án cho chị D. Ông xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Toà án, xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

Tại biên bản xác M tại UBND xã HS, Công an xã HS thể hiện:

* Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị Thuỳ D, sinh năm 2004 là người ở xóm 6, thôn DT, xã HS, thành phố Hà Nội; chị D và anh M không đăng ký kết hôn ở UBND xã HS mà đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh

Nam Định là địa chỉ cư trú của anh Vũ Văn M. Hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do sau khi kết hôn, chị D chuyển về sinh sống với anh M, không ở tại địa phương nên về mâu thuẫn vợ chồng anh M chị D chính quyền địa phương không nắm được. Nay anh M có đơn xin ly hôn chị D, quan điểm chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Về nơi cư trú của chị D: chị D có nơi đăng ký thường trú cùng bố đẻ là ông Lương Văn Sỹ tại: xóm 6, thôn DT, xã HS, thành phố Hà Nội.

** Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội D vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh M được ly hôn với chị D; anh M nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn M làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, chị Lương Thị Thuỳ D là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: xóm 6, thôn DT, xã HS, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị D đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị D vắng mặt không có lý do; anh M xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Văn M và chị Lương Thị Thuỳ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (nay là xã ND, tỉnh Ninh Bình) ngày 20/3/2024 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh M trình bày là do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng ở hai khu vực khác nhau nên phong tục tập quán lối sống cũng khác nhau, không thể tìm được tiếng nói chung, chị D không quan tâm gì đến chồng cũng như công việc gia đình nhà chồng; anh M và chị D đã sống ly thân khoảng 6 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Anh M cương quyết xin được ly hôn với chị D; chị D không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh M là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của anh M, xử cho anh M được ly hôn với chị D là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh M xác nhận không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh M không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; chị D không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh M phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: anh Vũ Văn M được ly hôn chị Lương Thị Thuỳ D.

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ không: không có.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005145 ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện